TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 17/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 05/02/2024
V/v: Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tính; ông Dương Đình Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy*:** Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐ XXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị T – Sinh năm 1984; Trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Tuấn C – Sinh năm 1984; Trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/8/2023, bản tự khai nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Tuấn C kết hôn với nhau ngày 14/12/2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc nhưng đến năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, gia đình hai bên đã hàn gắn nhưng không được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị đề nghị được ly hôn anh Phạm Tuấn C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Phạm Tuấn T1, sinh ngày 17/12/2005 và cháu Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 11/06/2009. Cháu T1 đã trưởng thành ở với ai tuỳ cháu, Cháu L có nguyện vọng ở với anh C nên chị đồng ý giao cháu L cho anh C nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Tuấn C: Quá trình giải quyết vụ án, anh C có mặt ở địa phương, mặc dù được triệu tập nhiều lần nhưng anh C cố tình không đến Tòa án làm việc. Toà án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; Giấy triệu tập giải quyết và các Quyết định tố tụng cho anh C đảm bảo quy định của pháp luật.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C: Chị Trương Thị T và anh Phạm Tuấn C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C ngày 14/12/2005. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Tuấn T1, sinh ngày 17/12/2005 và cháu Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 11/6/2009. Chính quyền địa phương không biết vợ chồng mâu thuẫn thế nào vì anh chị cũng không đề nghị hòa giải.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 – BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Đề nghị xử cho chị T được ly hôn anh C; Về con chung: Đề nghị giao cháu Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 11/06/2009 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí: Chị T phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Trương Thị T và anh Phạm Tuấn C đều có hộ khẩu thường trú tại Đ, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Chị Trương Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Phạm Tuấn C được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T, anh C.

Bị đơn không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về yêu cầu của nguyên đơn: Chị Trương Thị T và anh Phạm Tuấn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh C phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ năm 2020. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu giải quyết ly hôn của chị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51; Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Phạm Tuấn T1, sinh ngày 17/12/2005 và cháu Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 11/06/2009. Cháu T1 đã trưởng thành ở với ai tuỳ cháu, cháu L có nguyện vọng ở cùng anh C. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu L có nguyện vọng cho ở cùng anh C. Anh C, chị T đồng ý giao con cho anh C nuôi dưỡng. Do đó, giao cháu Phạm Thị Thùy L cho anh C nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 -

Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 - NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Phạm Tuấn C.

2. Về con chung: Cháu Phạm Tuấn T1, sinh ngày 17/12/2005 đã trưởng thành cháu ở với ai tuỳ cháu. Giao cháu Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 11/06/2009 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010539 ngày 05/10/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy.

Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị T, anh Phạm Tuấn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án DS huyện Cẩm Thủy;
- UBND xã Cẩm Vân;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Dung